

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10 - 11
7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12 - 32
8. Phụ lục	33 - 35



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần S.P.M hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302271207, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 11 tháng 12 năm 2025 Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SPM.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 3750 7496
- Fax : +84 (028) 3877 1010

Công ty có Văn phòng đại diện tại C4 – C8 Bửu Long, Phường Hòa Hưng, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất dược phẩm;
- Mua bán thực phẩm. Bán buôn thực phẩm chức năng;
- Bán lẻ nguyên liệu sản xuất các mặt hàng máy móc trang thiết bị y tế, khẩu trang, găng tay, đồ bảo hộ lao động; máy móc trang thiết bị y tế, khẩu trang, găng tay, đồ bảo hộ lao động (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ thuốc (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thực phẩm chức năng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Đào Hữu Hoàng	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024
Ông Đào Hữu Hoàng Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024
Bà Đỗ Thị Mai	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024
Ông Đào Hữu Khôi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024
Bà Nguyễn Hoàng Hà	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Bùi Công Sơn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021
Bà Ôn Ngọc Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2002
Ông Dương Nguyễn Trường Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm là Ông Nguyễn Thế Quyền (bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2022).



Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thế Quyền – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2022).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Thế Quyền
Tổng Giám đốc



Số: 1.0662/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần S.P.M tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

**Hoàng Thái Vương****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1

Người được ủy quyền


Phan Vũ Công Bá**Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		795.989.132.648	864.618.517.088
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.704.623.665	30.070.353.257
1. Tiền	111	V.1	2.704.623.665	30.070.353.257
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		738.690.070.948	791.573.245.318
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	753.607.901.013	759.796.250.131
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.965.465.496	35.099.205.509
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	15.646.754.350	33.511.787.062
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(32.530.049.911)	(36.833.997.384)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		51.496.705.713	40.515.001.863
1. Hàng tồn kho	141	V.6	52.379.226.686	41.617.936.964
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	(882.520.973)	(1.102.935.101)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.097.732.322	2.459.916.650
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	282.610.477	288.994.470
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		674.915.811	80.197.844
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	2.140.206.034	2.090.724.336
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		135.000.408.794	144.227.264.985
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		122.686.313.736	117.562.293.466
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	117.725.505.279	112.745.716.387
- Nguyên giá	222		351.332.073.058	324.824.169.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(233.606.567.779)	(212.078.452.740)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	4.960.808.457	4.816.577.079
- Nguyên giá	228		9.571.398.356	9.125.837.378
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.610.589.899)	(4.309.260.299)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.066.218.363	20.793.677.278
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	7.066.218.363	20.793.677.278
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.754.000.000	2.754.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	2.754.000.000	2.754.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.493.876.695	3.117.294.241
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	2.434.927.525	2.565.095.656
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	58.949.170	552.198.585
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		930.989.541.442	1.008.845.782.073



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		135.816.562.232	205.091.135.638
I. Nợ ngắn hạn	310		117.816.562.232	187.091.135.638
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	28.266.279.261	25.860.944.547
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	9.894.486.837	8.949.674.803
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	360.518.315	344.240.385
4. Phải trả người lao động	314	V.16	3.652.698.725	3.464.701.523
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	795.792.882	943.856.399
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	2.784.112.768	4.960.389.346
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	72.062.673.444	142.567.328.635
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		18.000.000.000	18.000.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	18.000.000.000	18.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		795.172.979.210	803.754.646.435
I. Vốn chủ sở hữu	410		795.172.979.210	803.754.646.435
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	140.000.000.000	140.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		140.000.000.000	140.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	210.885.368.500	210.885.368.500
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.20	(10.036.370.000)	(10.036.370.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	454.323.980.710	462.905.647.935
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lấy kể đến cuối kỳ trước	421a		456.020.647.935	462.905.647.935
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(1.696.667.225)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		930.989.541.442	1.008.845.782.073

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026



Võ Thành Nhân
Người lập/Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Quyền
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	302.535.922.736	348.984.734.523
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL2	48.579.568.339	51.209.708.102
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		253.956.354.397	297.775.026.421
4. Giá vốn hàng bán	11	VL3	193.052.379.338	237.101.048.130
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		60.903.975.059	60.673.978.291
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL4	402.820.588	88.895.191
7. Chi phí tài chính	22	VL5	6.462.730.709	7.718.369.769
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.044.294.786	7.446.849.188
8. Chi phí bán hàng	25	VL6	19.280.744.508	23.152.598.869
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL7	35.311.884.336	26.150.368.203
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		251.436.094	3.741.536.641
11. Thu nhập khác	31	VL8	860.714.012	434.842.379
12. Chi phí khác	32	VL9	1.171.826.434	33.327.309
13. Lợi nhuận khác	40		(311.112.422)	401.515.070
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(59.676.328)	4.143.051.711
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	1.143.741.482	54.748.835
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	493.249.415	(529.902.242)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.696.667.225)	4.618.205.118
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL10	(123)	335
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL10	(123)	335

Võ Thành Nhân
Người lập/Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thế Quyền
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(59.676.328)	4.143.051.711
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	22.035.804.692	16.697.817.150
- Các khoản dự phòng	03	V.5, 6	21.134.472.143	10.616.126.569
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	344.445.484	237.953.224
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.8, VI.9	2.809.402	(409.090.909)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	6.044.294.786	7.446.849.188
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		49.502.150.179	38.732.706.933
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		30.218.929.380	22.067.538.390
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.761.289.722)	5.411.667.531
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		185.620.774	3.288.827.626
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		136.552.124	(1.164.768.972)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17, VI.5	(6.086.169.219)	(7.379.184.701)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(1.193.223.180)	(2.487.705.854)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		62.002.570.336	58.469.080.953
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, 9, 10, VII	(12.098.262.079)	(5.457.342.998)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.8, VI.8, VI.9	136.363.636	409.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	2.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.961.898.443)	(3.048.252.089)



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	157.011.658.159	236.150.383.765
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(227.516.313.350)	(254.829.872.077)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18a, 20	(6.906.250.000)	(6.848.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(77.410.905.191)	(25.528.238.312)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(27.370.233.298)	29.892.590.552
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	30.070.353.257	177.774.751
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.503.706	(12.046)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	2.704.623.665	30.070.353.257

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026



Võ Thành Nhân
Người lập/Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Quyền
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, mua bán dược phẩm và cho thuê tài sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu năm nay của Công ty giảm so với năm trước do hoạt động thương mại giảm. Kết quả hoạt động kinh doanh năm bị lỗ chủ yếu do phát sinh chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 192 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 190 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chỉ phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ; chi phí nghiên cứu và chi phí sửa chữa. Chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí nghiên cứu

Chi phí nghiên cứu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 năm đến 05 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 32 - 46 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	632.262.803	48.534.673
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.072.360.862	30.021.818.584
Cộng	2.704.623.665	30.070.353.257

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành	724.258.797.487	710.139.889.123
Các khách hàng khác	29.349.103.526	49.656.361.008
Cộng	753.607.901.013	759.796.250.131

Toàn bộ khoản phải thu của Công ty được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (xem thuyết minh số V.19).



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	<i>50.646.000</i>	<i>50.464.000</i>
Thành viên Hội đồng quản trị	50.646.000	50.464.000
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>1.914.819.496</i>	<i>35.048.741.509</i>
Công ty TNHH Nam Bửu Long	538.676.208	32.330.016.000
Công ty TNHH Phước Đăng	706.078.800	24.948.000
Viện Kiểm nghiệm Thuốc TP. Hồ Chí Minh	448.622.400	540.000.000
Các nhà cung cấp khác	221.442.088	2.153.777.509
Cộng	1.965.465.496	35.099.205.509

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>15.467.298.186</i>	-	<i>18.585.489.686</i>	-
Thành viên Hội đồng quản trị - Lãi cho vay	15.467.298.186	-	18.578.545.686	-
Thành viên Hội đồng quản trị - Tạm ứng	-	-	6.944.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>179.456.164</i>	-	<i>14.926.297.376</i>	<i>(14.205.000.000)</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Vĩnh Phúc				
Hoàng Gia - Tiền chuyển nhượng cổ phiếu	-	-	14.205.000.000	(14.205.000.000)
Tạm ứng	90.887.762	-	506.852.585	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	88.568.402	-	214.444.791	-
Cộng	15.646.754.350	-	33.511.787.062	(14.205.000.000)

5. Nợ xấu

		Số cuối năm			Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hữu Nghị - Tiền bán hàng hóa, thành phẩm		-	-	Trên 03 năm	11.453.833.744	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Vĩnh Phúc Hoàng Gia - Tiền chuyển nhượng cổ phiếu		-	-	Trên 03 năm	14.205.000.000	-
Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành và Chi nhánh	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	62.355.609.384	43.648.926.569		-	-
Công ty TNHH Nam Bửu Long - Phải thu tiền chuyển nhượng vốn đầu tư	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	19.747.667.280	5.924.300.184	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	22.350.327.280	11.175.163.640
Cộng		82.103.276.664	49.573.226.753		48.009.161.024	11.175.163.640

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	36.833.997.384	25.658.833.744
Trích lập dự phòng bổ sung	21.354.886.271	11.175.163.640
Xóa nợ	(25.658.833.744)	-
Số cuối năm	32.530.049.911	36.833.997.384

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP, Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	1.760.197.500	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	37.832.166.766	(882.520.973)	30.642.516.544	(983.064.299)
Công cụ, dụng cụ	356.252.465	-	77.053.432	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.135.804.087	-	4.750.846.368	-
Thành phẩm	2.293.941.868	-	4.849.977.620	(119.210.801)
Hàng hóa	864.000	-	1.297.543.000	(660.001)
Cộng	52.379.226.686	(882.520.973)	41.617.936.964	(1.102.935.101)

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất không có khả năng sử dụng, tiêu thụ như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	882.520.973	983.064.299
Thành phẩm	-	119.210.801
Hàng hóa	-	660.001
Cộng	882.520.973	1.102.935.101

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.102.935.101	1.661.972.172
Hoàn nhập dự phòng	(220.414.128)	(559.037.071)
Số cuối năm	882.520.973	1.102.935.101

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	150.248.824	130.004.806
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	132.361.653	158.989.664
Cộng	282.610.477	288.994.470

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	265.232.857	398.770.215
Chi phí nghiên cứu	602.574.328	587.916.670
Chi phí sửa chữa	1.466.203.709	1.198.242.112
Các chi phí trả trước dài hạn khác	100.916.631	380.166.659
Cộng	2.434.927.525	2.565.095.656

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	88.920.017.456	232.190.968.659	2.673.490.672	1.039.692.340	324.824.169.127
Mua trong năm	-	5.386.215.889	673.543.855	-	6.059.759.744
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	16.346.891.559	4.446.785.719	-	-	20.793.677.278
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(345.533.091)	-	(345.533.091)
Số cuối năm	105.266.909.015	242.023.970.267	3.001.501.436	1.039.692.340	351.332.073.058



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.831.387.263	136.828.445.386	538.720.309	1.039.692.340	142.238.245.298
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	53.466.168.470	156.249.632.793	1.322.959.137	1.039.692.340	212.078.452.740
Khấu hao trong năm	5.723.199.276	15.756.611.965	254.663.851	-	21.734.475.092
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(206.360.053)	-	(206.360.053)
Số cuối năm	59.189.367.746	172.006.244.758	1.371.262.935	1.039.692.340	233.606.567.779
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	35.453.848.986	75.941.335.866	1.350.531.535	-	112.745.716.387
Số cuối năm	46.077.541.269	70.017.725.509	1.630.238.501	-	117.725.505.279
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 31.431.491.203 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (xem thuyết minh số V.19).

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	8.302.609.778	823.227.600	9.125.837.378
Mua trong năm	445.560.978	-	445.560.978
Số cuối năm	8.748.170.756	823.227.600	9.571.398.356
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	301.331.100	301.331.100
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	3.955.739.550	353.520.749	4.309.260.299
Khấu hao trong năm	196.950.300	104.379.300	301.329.600
Số cuối năm	4.152.689.850	457.900.049	4.610.589.899
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.346.870.228	469.706.851	4.816.577.079
Số cuối năm	4.595.480.906	365.327.551	4.960.808.457
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (xem thuyết minh số V.19).



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Công trình xưởng thuốc tiêm	20.614.680.390	-	(20.614.680.390)	-
Công trình xưởng thực phẩm chức năng	178.996.888	-	(178.996.888)	-
Công trình hệ thống năng lượng mặt trời	-	3.118.737.324	-	3.118.737.324
Công trình xưởng thuốc K	-	3.947.481.039	-	3.947.481.039
Cộng	20.793.677.278	7.066.218.363	(20.793.677.278)	7.066.218.363

11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Thông tin về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Dược - Thiết bị Y tế Đà Nẵng	2.754.000.000	3.180.244.400	2.754.000.000	3.474.221.400
Cộng	2.754.000.000	3.180.244.400	2.754.000.000	3.474.221.400

Trong năm Công ty được trả cổ tức bằng 22.270 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 467.683 cổ phiếu, tương đương 2,9% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dược - Thiết bị Y tế Đà Nẵng (số đầu năm là 445.413 cổ phiếu, tương đương 2,9% vốn điều lệ).

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	552.198.585	22.296.343
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	493.249.415	529.902.242
Số cuối năm	58.949.170	552.198.585

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Affordable Quality Pharmaceuticals (Aqp One, Inc)	7.251.951.263	7.024.855.242
Công ty Cổ phần Villamed	-	5.737.064.348
Các nhà cung cấp trong nước	21.014.327.998	13.099.024.957
Cộng	28.266.279.261	25.860.944.547

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Hóa chất Dược phẩm Châu Ngọc	2.901.374.999	2.527.124.999
Công ty TNHH Present Pharma	798.847.375	1.206.851.000
Công ty Cổ phần Villamed	2.883.671.083	2.301.771.873
Các khách hàng khác	3.310.593.380	2.913.926.931
Cộng	9.894.486.837	8.949.674.803



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	614.159.188	(614.159.188)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.707.828.453	(1.707.828.453)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	49.501.751	(49.501.751)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.090.724.336	1.143.741.482	(1.193.223.180)	-	2.140.206.034
Thuế thu nhập cá nhân	344.240.385	-	1.056.379.622	(1.040.101.692)	360.518.315	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	986.627.083	(986.627.083)	-	-
Cộng	344.240.385	2.090.724.336	5.561.237.579	(5.594.441.347)	360.518.315	2.140.206.034

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Xuất khẩu	0 %
- Dược phẩm	05 %
- Hoạt động khác	10 %

Năm 2025 Công ty được áp dụng thuế suất giá trị gia tăng 8% đối với một số hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn các Nghị quyết 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 và Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất là 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(59.676.328)	4.143.051.711
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.787.267.805	2.070.046.772
- Các khoản điều chỉnh giảm	(297.049.966)	(198.687.360)
- Chi phí lãi vay không được trừ các năm trước được chuyển tiếp ^(*)	(2.498.651.831)	(5.740.666.948)
Thu nhập chịu thuế	931.889.680	273.744.175
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	186.377.936	54.748.835
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	957.363.546	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.143.741.482	54.748.835



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (*) Theo Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ, khoản chi phí lãi vay không được trừ từ các năm trước do có giao dịch liên kết (theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP), từ kỳ tính thuế năm 2024 nếu xác định lại không có giao dịch liên kết (theo Nghị định số 20/2025/NĐ-CP) thì được chuyển đều sang các năm sau theo thời gian còn lại của quy định thời gian chuyển tiếp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. **Phải trả người lao động**
Tiền lương thưởng phải trả cho nhân viên.

17. **Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	604.932.000	646.806.433
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	190.860.882	297.049.966
Cộng	795.792.882	943.856.399

18. **Phải trả khác**18a. **Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	-	15.921.600
Thành viên Hội đồng quản trị - Phải trả về tiền mua hàng	-	15.921.600
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.784.112.768	4.944.467.746
Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành - Phải trả về chương trình khuyến mãi	2.215.715.518	2.988.501.182
Kinh phí công đoàn	-	1.372.071.006
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	251.469.500	252.932.808
Cổ tức phải trả	266.578.750	287.828.750
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	50.349.000	43.134.000
Cộng	2.784.112.768	4.960.389.346

18b. **Phải trả dài hạn khác**

Khoản nhận ký quỹ của Công ty TNHH Hóa chất Dược phẩm Châu Ngọc để đảm bảo thực hiện hợp đồng bao tiêu sản phẩm thuốc tiêm.

18c. **Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. **Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương ⁽¹⁾	42.062.673.444	112.567.328.635
Vay Ông Đặng Ngọc Hồ ⁽²⁾	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	72.062.673.444	142.567.328.635



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất theo thông báo tại từng thời điểm nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, một số tài sản cố định hình thành trong tương lai (xem thuyết minh số V.2, V.8 và V.9) và được đảm bảo bằng tài sản của cá nhân là bên liên quan (xem thuyết minh số VIII.1).
- (ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Đặng Ngọc Hồ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8%/năm, thời hạn vay 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	112.567.328.635	157.011.658.159	(227.516.313.350)	42.062.673.444
Vay ngắn hạn cá nhân	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Cộng	142.567.328.635	157.011.658.159	(227.516.313.350)	72.062.673.444

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn và không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	465.172.442.817	806.021.441.317
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	4.618.205.118	4.618.205.118
Chia cổ tức	-	-	-	(6.885.000.000)	(6.885.000.000)
Số dư cuối năm trước	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	462.905.647.935	803.754.646.435
Số dư đầu năm nay	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	462.905.647.935	803.754.646.435
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(1.696.667.225)	(1.696.667.225)
Chia cổ tức	-	-	-	(6.885.000.000)	(6.885.000.000)
Số dư cuối năm nay	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	454.323.980.710	795.172.979.210

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Đào Hữu Hoàng	61.981.200.000	61.981.200.000
Ông Đào Hữu Hoàng Vũ	17.690.200.000	17.690.200.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	10.415.000.000	10.415.000.000
Bà Đỗ Thị Mai	10.000.000.000	10.000.000.000
Các cổ đông khác	37.613.600.000	37.613.600.000
Cổ phiếu quỹ	2.300.000.000	2.300.000.000
Cộng	140.000.000.000	140.000.000.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.000.000	14.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	230.000	230.000
- Cổ phiếu phổ thông	230.000	230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.770.000	13.770.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.770.000	13.770.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã chia cổ tức năm 2024 cho cổ đông với tỷ lệ 5% mệnh giá cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số ĐHCĐ – NQ27/06/2025 ngày 27 tháng 6 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0511-25-1/NQHĐQT-2025 ngày 05 tháng 11 năm 2025.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**21a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	79.165,27	439,81
Dollar Úc (AUD)	-	17,5

21b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng đại diện APQ	13.668.571	13.668.571
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Hưng Vạn Phát	4.529.250	4.529.250
Công ty Cổ phần Năng lượng A.S.V	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Ngôi Nhà Chung	279.837.713	279.837.713
Probactive Biotech Inc	87.663.150	87.663.150
Công ty Xuất nhập khẩu Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Am	1.449.103.102	1.449.103.102
Công ty Cổ phần Tập đoàn A.S.V	68.370.000.000	68.370.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Vĩnh Phúc Hoàng Gia	14.205.000.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hữu Nghị	11.453.833.744	-
Các cá nhân khác	22.519.793	22.519.793
Cộng	95.936.155.323	70.277.321.579

Các khoản nợ phải thu trên được xử lý xóa sổ do không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	58.433.714.478	109.240.537.248
Doanh thu bán thành phẩm	242.356.753.718	237.998.742.735
Doanh thu cho thuê tài sản	1.745.454.540	1.745.454.540
Cộng	302.535.922.736	348.984.734.523

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	-	711.577.774
Hàng bán bị trả lại	47.448.049.494	47.444.799.414
Giảm giá hàng bán	1.131.518.845	3.053.330.914
Cộng	48.579.568.339	51.209.708.102

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	56.189.083.629	106.728.406.370
Giá vốn của thành phẩm đã bán	137.083.709.837	130.931.678.831
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(220.414.128)	(559.037.071)
Cộng	193.052.379.338	237.101.048.130

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	7.424.781	2.000.121
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	395.395.807	86.895.070
Cộng	402.820.588	88.895.191

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.044.294.786	7.446.849.188
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	73.990.439	33.567.357
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	344.445.484	237.953.224
Cộng	6.462.730.709	7.718.369.769

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.257.411.163	2.108.163.170
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi, tiếp thị	17.010.758.345	20.616.419.457
Các chi phí khác	12.575.000	428.016.242
Cộng	19.280.744.508	23.152.598.869

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.876.409.817	7.892.184.395
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.615.024.081	1.282.706.537
Chi phí khấu hao tài sản cố định	604.681.507	509.893.619
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	21.354.886.271	11.175.163.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.913.905.089	1.820.792.494
Các chi phí khác	1.943.977.571	3.466.627.518
Cộng	35.311.884.336	26.150.368.203



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	409.090.909
Thu nhập khác	860.714.012	25.751.470
Cộng	860.714.012	434.842.379

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.168.872.079	-
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.809.402	-
Chi phí khác	144.953	33.327.309
Cộng	1.171.826.434	33.327.309

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.696.667.225)	4.618.205.118
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(1.696.667.225)	4.618.205.118
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	13.770.000	13.770.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(123)	335

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	86.213.073.276	89.143.334.670
Chi phí nhân công	39.526.638.135	37.519.715.263
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.035.804.692	16.697.817.150
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.472.360.776	10.221.561.997
Chi phí khác	42.011.334.262	35.888.951.190
Cộng	200.259.211.141	189.471.380.270

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Công ty có các khoản công nợ liên quan đến việc mua sắm tài sản cố định như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tiền mua tài sản cố định	1.289.661.222	427.140.000
Ứng trước tiền mua tài sản cố định	716.514.380	1.327.270.164



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chủ tịch Hội đồng quản trị		
Thuê văn phòng	607.752.000	607.752.000
Mượn tiền	175.000.000	1.620.000.000
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Tạm ứng	16.540.000	6.944.000
Mượn tiền	6.032.000.000	4.020.000.000
Mua hàng	-	14.676.000

Cam kết bảo lãnh

Thành viên Hội đồng quản trị dùng Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 29, 33, 34, 800, 802, tờ bản đồ số 42, xã An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh với giá trị tài sản đảm bảo vào ngày ký hợp đồng là 2.557.000.000 VND và khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng với tổng số tiền là 10.000.000.000 VND để thế chấp đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương (xem thuyết minh số V.19).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4 và V.18a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là:

	Năm nay	Năm trước
Ông Đào Hữu Hoàng – Chủ tịch Hội đồng quản trị	600.000.000	746.300.000
Ông Nguyễn Thế Kỳ – Thành viên HĐQT (miễn nhiệm từ ngày 28 tháng 6 năm 2024)	-	245.870.000
Ông Nguyễn Thế Quyền – Tổng Giám đốc	324.000.000	387.100.000
Ông Bùi Công Sơn – Trưởng Ban kiểm soát	239.340.000	267.105.000
Bà Ôn Ngọc Lan – Thành viên Ban kiểm soát	130.800.000	187.783.411
Ông Võ Thành Nhân – Kế toán trưởng	295.812.000	326.982.000
Cộng	1.589.952.000	2.161.140.411



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm: sản xuất thuốc và các thực phẩm chức năng, bán sản phẩm trong nước thông qua đại lý phân phối độc quyền và trực tiếp xuất khẩu sản phẩm.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm: mua bán thuốc nhập khẩu từ nước ngoài.
- Lĩnh vực khác: cho thuê nhà kho.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ nhà xưởng của Công ty được đặt tại Việt Nam. Thị trường tiêu thụ của Công ty chủ yếu là Việt Nam và các nước Myanmar, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Việt Nam	214.893.046.825	260.415.388.351
Myanmar	4.519.368.759	8.642.830.918
Hợp chúng quốc Hoa Kỳ	18.013.768.977	17.662.577.543
Thái Lan	11.846.719.400	3.693.366.784
Các nước khác	4.683.450.436	7.360.862.825
Cộng	253.956.354.397	297.775.026.421

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



Võ Thành Nhân
Người lập/Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Quyền
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản và lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	193.777.185.379	58.433.714.478	1.745.454.540	-	253.956.354.397
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	193.777.185.379	58.433.714.478	1.745.454.540	-	253.956.354.397
Kết quả kinh doanh theo bộ phận					
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	42.202.037.267	(2.191.743.748)	1.612.937.032	-	41.623.230.551
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(35.311.884.336)
Doanh thu hoạt động tài chính					6.311.346.215
Chi phí tài chính					402.820.588
Thu nhập khác					(6.462.730.709)
Chi phí khác					860.714.012
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(1.171.826.434)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(1.143.741.482)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(493.249.415)
					(1.696.667.225)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	15.699.870.568	-	-	-	15.699.870.568
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	24.432.187.710	-	-	-	24.432.187.710
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	21.134.472.143	-	-	-	21.134.472.143



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 - 53 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản và lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	186.789.034.633	109.240.537.248	1.745.454.540	-	297.775.026.421
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	186.789.034.633	109.240.537.248	1.745.454.540	-	297.775.026.421
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	41.893.174.979	(5.981.537.545)	1.609.741.988	-	37.521.379.422
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(26.150.368.203)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					11.371.011.219
Doanh thu hoạt động tài chính					88.895.191
Chi phí tài chính					(7.718.369.769)
Thu nhập khác					434.842.379
Chi phí khác					(33.327.309)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(54.748.835)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					529.902.242
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					4.618.205.118
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	7.357.349.413	-	-	-	7.357.349.413
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	18.520.629.017	-	-	-	18.520.629.017
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	(559.037.071)	-	11.175.163.640	-	10.616.126.569



